

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bông.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Đặng Tuấn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Tấn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2017 và tại bản tự khai ngày 02/6/2017, biên bản hòa giải ngày 13/7/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Lưu Tấn T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, do tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đập chị và không có trách

nhệm với gia đình. Hiện nay, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, gồm: Cháu Lưu Tấn T1, sinh ngày 10/8/2013 và cháu Lưu Tấn T2, sinh ngày 01/02/2015. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, vì hiện nay chị làm nghề cắt tóc, thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con và cháu T1 cũng đã chung sống với chị ổn định từ trước đến nay. Giao cháu T2 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, vì từ trước đến nay cháu T2 chung sống với anh T và ông, bà nội của cháu, cuộc sống hiện tại đã ổn định. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải ngày 13/7/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lưu Tấn T trình bày: Anh và chị D kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau. Từ tháng 7 năm 2016 đến nay, chị D bỏ về chung sống cùng với cha mẹ của chị D tại xã T, huyện T nên vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung như chị D đã trình bày. Hiện nay, cháu T2 đang chung sống với anh và cháu T1 đang chung sống với chị D tại xã T, huyện T. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, vì thu nhập của anh đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Do công việc của anh phải đi làm 02 ngày mới về nhà nên anh sẽ giao con cho mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T thay đổi ý kiến và đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, giao cháu T2 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lưu Tấn T. Giao cháu Lưu Tấn T1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lưu Tấn T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của các cháu. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lưu Tấn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/10/2013. Việc kết hôn giữa chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương cũng như sự thừa nhận của chị D và anh T thì trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau nên chị D bỏ về chung sống với cha mẹ của mình tại xã T, huyện T từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Xét thấy, hiện nay vợ chồng chị D, anh T không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai vợ chồng cùng thuận tình ly hôn nên Tòa án cần phải công nhận việc thuận tình ly hôn của chị D, anh T.

[2] Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung, gồm: Cháu Lưu Tấn T1, sinh ngày 10/8/2013 và cháu Lưu Tấn T2, sinh ngày 01/02/2015. Từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay, cháu T1 chung sống cùng với chị D tại xã T, huyện T, còn cháu T2 chung sống cùng với anh T tại xã T, huyện T. Mặc dù, cháu T2 chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng xét thấy sau khi chị D bỏ về nhà cha, mẹ của mình để sinh sống từ tháng 7 năm 2016 đến nay, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2, hiện tại cuộc sống của cháu đã ổn định và chị D cũng đề nghị giao cháu T2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo lợi ích và cuộc sống ổn định của cháu T2, Tòa án xét thấy cần phải giao cháu T2 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Đối với cháu T1, từ tháng 7 năm 2016 đến nay, cháu T1 chung sống với chị D tại xã T, huyện T, hiện tại cuộc sống, sinh hoạt của cháu cũng đã ổn định và chị D có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Trong khi đó, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T cho rằng nếu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh sẽ giao cho mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng, vì công việc của anh phải đi làm 02 ngày mới về nhà. Vì vậy, nếu giao thêm cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi của cháu. Do đó, Tòa án xét thấy cần phải giao cháu T1 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, để đảm bảo quyền lợi và cuộc sống ổn định của cháu. Do chị D và anh T có đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án”, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018394 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lưu Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lưu Tấn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Tấn T1, sinh ngày 10/8/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi và giao cho anh Lưu Tấn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Tấn T2, sinh ngày 01/02/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị D, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D, anh T có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0018394 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/8/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo